

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-PT
Ngày 16/3/2023
V/v tranh chấp về bồi thường
thiệt hại do tài sản bị xâm phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Quang và ông Ngô Chiu.

- T ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Triều.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 107/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2023/QĐPT-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S – sinh năm 1964, địa chỉ: đường T, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: 1/ Bà Nguyễn Thị Anh T – sinh năm 1980, địa chỉ: đường P, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị Tú T – sinh năm 1986, địa chỉ: đường N, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ công tác: đường H, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Ngọc Q – sinh năm 1960, địa chỉ: khu phố N, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh Phú Yên, địa chỉ: đường H, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Minh C. Có mặt.

Do có kháng cáo của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/01/2022, nguyên đơn đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh Phú Yên (gọi tắt là Ngân hàng) để rút tiền trong tài khoản nhưng bà Nguyễn Thị Anh T không cho rút số tiền 248.295.255 đồng và bà Nguyễn Thị Tú T, bà Nguyễn Thị Anh T không cho mở tài khoản chuyển tiền trên điện thoại, không cấp lại mật khẩu iPay vì lý do nguyên đơn chỉ xuất trình bản phô tô Căn cước công dân.

Đến ngày 22/3/2022, nguyên đơn có thẻ Căn cước công dân bản chính, đến Ngân hàng rút hết tiền. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T, bà T bồi thường số tiền 248.295.255 đồng và lãi quá hạn theo lãi suất Ngân hàng cho khách hàng vay kể từ ngày nguyên đơn nộp tiền vào tài khoản cho đến ngày rút được tiền. Nguyên đơn không khởi kiện đối với hành vi bà T, bà T không cho mở tài khoản chuyển tiền trên điện thoại, không cấp lại mật khẩu iPay.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Anh T, bà Nguyễn Thị Tú T trình bày:

Khoảng 15 giờ ngày 26/01/2022, bà Nguyễn Thị Tú T trực tiếp làm việc với nguyên đơn, xác nhận tiền trong tài khoản và yêu cầu rút số tiền 248.295.255 đồng nhưng nguyên đơn chỉ xuất trình bản phô tô Căn cước công dân. Với chức trách, nhiệm vụ của bà T đã báo cáo với bà Nguyễn Thị Anh T về trường hợp này.

Bà T đã căn cứ vào các quy định pháp luật, cụ thể: Quyết định số 796/2019/QĐ-TGD-NHCT45 ngày 04/7/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần C; Công văn số 6662/TGD-NHCT40 ngày 01/9/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần C; Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Luật số 07/2012/QH13 ngày 18/6/2013 của Quốc hội về phòng, chống rửa tiền sửa đổi bổ sung; Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân “Công dân sử dụng chứng minh nhân dân của mình làm chứng nhận nhân thân và phải mang theo khi đi lại, giao dịch”; Luật căn cước công dân năm 2014 “Căn cước công dân là thông tin cơ bản về lai lịch, nhận dạng của công dân theo quy định luật này” (khoản 1 Điều 3), “Nhận dạng là một điểm cá biệt và ổn định bên ngoài để phân biệt người khác” (khoản 2 Điều 3), “Thẻ căn cước công dân là giấy tờ tùy thân của công dân Việt Nam có giá trị chứng minh về căn cước công dân của người được cấp thẻ để thực hiện các giao dịch trên lãnh thổ Việt Nam” (khoản 1 Điều 20); Khoản 1 Điều 119 Bộ luật Dân sự “Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử, dưới hình thức thông qua dữ liệu theo quy định pháp luật...”.

Như vậy, nguyên đơn xuất trình bản phô tô Căn cước công dân khi thực hiện giao dịch rút tiền là không đúng quy định. Bà T đã làm đúng chức trách của mình, ghi dưới bản phô tô Căn cước công dân do nguyên đơn xuất trình

“Vietinbank xác nhận không thể chi tiền từ tài khoản ATM do khách hàng không xuất trình được CMND gốc (chỉ có bản photocopy như này)””.

Trong ngày 22/3/2022, nguyên đơn đã 03 lần chuyển khoản với các số tiền 80.000.000 đồng, 10.000.000 đồng và 158.338.392 đồng từ tài khoản số 104000128671. Sau 18 giờ 06 phút, tài khoản của nguyên đơn có số dư 0 đồng. Đến ngày 31/3/2022, tài khoản của nguyên đơn có 14.968 đồng do Ngân hàng trả lãi tiền gửi tháng 3/2022.

Như vậy, bà T, bà T đã thực hiện công việc đúng quy định pháp luật, không có lỗi và không gây thiệt hại cho nguyên đơn vì tiền vẫn còn trong tài khoản của nguyên đơn và hưởng lợi lãi suất không kỳ hạn trên số tiền chưa rút, lỗi là do nguyên đơn không xuất trình được bản chính thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân khi thực hiện giao dịch rút tiền tại Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị Anh T, bà Nguyễn Thị Tú T là nhân viên của Ngân hàng và đã thực hiện công việc đúng quy định pháp luật, không có lỗi và không gây thiệt hại cho bà S, lỗi là do nguyên đơn không xuất trình được bản chính Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân khi thực hiện giao dịch rút tiền tại Ngân hàng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã áp dụng khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Anh T, bà Nguyễn Thị Tú T bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm số tiền 248.295.255 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 20/10/2022, nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày: không có văn bản nào quy định cấm người dân sử dụng bản photocopy Căn cước công dân, các văn bản mà bị đơn và Tòa án cấp sơ thẩm viện dẫn đều không quy định phải xuất trình bản chính Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân nên bà S được quyền xuất trình bản photocopy Căn cước công dân để rút tiền tại Ngân hàng.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm, thống nhất với bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực đầy đủ các quyền của mình theo

quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bác toàn bộ kháng cáo vì không có căn cứ pháp luật, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Đơn kháng cáo của nguyên đơn còn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại số tiền 248.295.255 đồng và lãi quá hạn theo lãi suất Ngân hàng cho khách hàng vay kể từ ngày nguyên đơn nộp tiền vào tài khoản cho đến ngày rút được tiền. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Vào ngày 26/01/2022 bà S đến Ngân hàng yêu cầu rút số tiền 248.295.255 đồng trong tài khoản nhưng chỉ xuất trình bản phô tô Căn cước công dân nên nhân viên của Ngân hàng là bà T, bà T từ chối thực hiện giao dịch rút tiền. Bà S cho rằng các văn bản mà bị đơn trình bày nêu trên đều không có quy định nào cấm sử dụng bản phô tô Căn cước công dân, không quy định bắt buộc phải sử dụng bản chính nên bà S được quyền xuất trình bản phô tô để rút tiền tại Ngân hàng.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân: “Công dân được sử dụng Chứng minh nhân dân của mình làm chứng nhận nhân thân và phải mang theo khi đi lại, giao dịch; xuất trình khi người có thẩm quyền yêu cầu kiểm tra, kiểm soát” và khoản 1 Điều 20 Luật Căn cước công dân năm 2014: “Thẻ căn cước công dân là giấy tờ tùy thân của công dân Việt Nam có giá trị chứng minh về căn cước công dân của người được cấp thẻ để thực hiện các giao dịch trên lãnh thổ Việt Nam” thì khi thực hiện các giao dịch phải sử dụng Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân được cơ quan có thẩm quyền cấp. Do đó, bà S sử dụng bản phô tô Căn cước công dân nên bị từ chối giao dịch là đúng quy định pháp luật.

Đến ngày 22/3/2022, bà S thực hiện các giao dịch chuyển toàn bộ số tiền nêu trên. Đến ngày 31/3/2022, tài khoản của nguyên đơn có 14.968 đồng do Ngân hàng trả lãi tiền gửi tháng 3/2022. Như vậy, bị đơn bà T, bà T không có hành vi xâm phạm tài sản là số tiền 248.295.255 đồng của bà S, nên căn cứ khoản 1 Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015 thì không phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án chưa tuyên xử đối với yêu cầu tính lãi quá hạn là thiếu sót, nên cần rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên yêu cầu kháng cáo là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Hồ Thị Thanh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 107/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Áp dụng Điều 26, Điều 38, Điều 39, Điều 148, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Anh T, bà Nguyễn Thị Tú T bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm số tiền 248.295.255 đồng.

[2] Quyết định khác về án phí sơ thẩm và trình tự thủ tục, trách nhiệm thi hành án được thi hành theo bản án dân sự sơ thẩm số 107/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị Thanh S phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 7747 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND cấp huyện;
- VKSND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, KTNV, án văn, TT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Trúc Lâm